

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **45/2018/DS-ST**

Ngày: 27/4/2018

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Tuyết Minh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Đạt**
2. Ông **Danh Đánh**

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Xuân Cường** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Linh** - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2017/TLST-DS Ngày 27 tháng 11 năm 2017: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2018/QĐST-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Trọng N** – sinh năm 1985, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Lê Thị Mỹ L** - sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: Khu phố L, thị trấn K, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phù Thọ M** – sinh năm 1967, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: 98 Nguyễn T, khu phố N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau: Vào ngày 31/5/2015 ông N có cho bà L mượn số tiền là 120.000.000đ để bà L làm ăn và trả nợ, hứa mỗi tháng trả 30.000.000đ và trong thời hạn 04 tháng sẽ trả hết số nợ. Nhưng đến thời gian trả nợ bà L không thực hiện trả nợ và còn nói khi nào có thì trả. Nay ông N yêu cầu Tòa án buộc bà L trả số tiền 120.000.000đ và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 01/10/2015 cho đến ngày xét xử.

Bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày: Bà L thừa nhận có vay tiền của ông N tổng cộng ba lần, cụ thể: lần 1 vay 15.000.000 đồng nhưng ông N bắt ghi 20.000.000 đồng, lần hai vay 20.000.000 đồng nhưng ông N bắt ghi 25.000.000 đồng, lần 3 vay 20.000.000 đồng

nhưng ông N bắt ghi 25.000.000 đồng. Như vậy tổng cộng ba lần vay là 70.000.000 đồng nhưng N thấy nhiều quá nên giảm còn 65.000.000 đồng. Do đó bà L chỉ thừa nhận có nợ ông N 65.000.000 đồng và trả theo khả năng thực tế.

Tại phiên tòa, Bà L thừa nhận chữ ký trong biên nợ ngày 31/5/2015 là do bà ký nhưng do ông N viết sẵn cho ký. Do không có chứng cứ chứng minh nên bà cũng thừa nhận nợ ông N số tiền 120.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh khó khăn, nuôi hai con ăn học nên xin trả mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Phù Thọ M có bản khai cho rằng ông và bà L đã ly hôn, ông không biết việc vay tiền giữa bà L với ông N.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải, động viên nhưng các bên đương sự vẫn không thỏa thuận được các vấn đề trong vụ án nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo đúng quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: ông Phù Thọ M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản trước ngày 01/7/2017, nên khi có tranh chấp thì áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 giải quyết.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi, Hội đồng xét xử nhận thấy rằng: Trong bản tự khai cũng như phiên hòa giải bà L không thừa nhận có nợ ông N 120.000.000 đồng; Trong chứng cứ thu thập từ hồ sơ vụ án giữa bà Q và ông N thì bà L cũng chỉ thừa nhận nợ ông N 65.000.000 đồng. Tuy nhiên ông N khẳng định ngày 09/4/2015 sau khi vay tiền bà Q thì bà L đã trả khoản tiền 65.000.000 đồng rồi, sau đó ngày 31/5/2015 mới vay thêm 120.000.000 đồng là biên nhận mà ông N cung cấp, đồng thời bà L thừa nhận chữ ký trong biên nhận là của bà L ký. Phía sau biên bản hòa giải trong vụ án giữa bà Q với ông N thì bà L có ghi “Do tôi thiếu nợ chú N nên tôi mới ký vào hợp đồng vay tiền để chú N lấy tiền lên. Ông N nói khi nào tôi trả một trăm hai mươi triệu thì ông N sẽ trả lại hết cho bà Q”. Tại phiên tòa bà L cũng đồng ý nợ ông N 120.000.000 đồng. Do đó buộc bà L trả cho ông N số tiền 120.000.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2005.

Điều 471 quy định như sau: “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; Khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*”.

[4] Đối với yêu cầu của bà L xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét, bởi lẽ phía nguyên đơn không đồng ý và Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thỏa thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

[5] Đối với ông Phù Thọ M có ý kiến không biết việc vay tiền của bà L với ông N và cả bà L, ông N không yêu cầu trách nhiệm của ông M nên hội đồng xét xử không buộc ông M phải liên đới với bà L trả nợ cho ông N.

[6] Về án phí DSST: bà L bị buộc trả số tiền 120.000.000 đồng cho nguyên đơn nên phải chịu án phí 6.000.000 đồng.

Nguyên đơn khởi kiện được chấp nhận nên nhận lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005; Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Trọng N.

Xử buộc: Bà Lê Thị Mỹ L có nghĩa vụ trả số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) cho ông vũ Trọng N.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà L phải nộp án phí DSST là 6.000.000 đồng.

Ông Vũ Trọng N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng theo lai thu số 0001685 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương.

3/ Báo cho nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/4/2018). Ông Phù Thọ M có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi Hành Án DS h.Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tuyết Minh